

**CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG TÂM YÊN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG TÂM YÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAM YEN CO., LTD

Tên công ty viết tắt: TÂM YÊN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101612408

**3. Ngày thành lập:** 17/03/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm 1, Bình An 2, Xã Phước Thành, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0779626268

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4322     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4330     |
| 3.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4511     |
| 4.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4512     |
| 5.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4513     |
| 6.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4520     |
| 7.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4530     |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4649     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng phục vụ ngành may mặc                                                                                                            | 4659     |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, kẽm, tôn, inox các loại; Bán buôn kim loại khác                                                                                                                                                                                                                                              | 4662     |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn vật tư điện, nước trong xây dựng; bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663     |
| 12. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội, ngoại thất và sân vườn                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7410     |

Thời gian đăng từ ngày 17/03/2022 đến ngày 16/04/2022

|     |                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                           | 7710        |
| 14. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                | 4690        |
| 15. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Mua bán dầu nhớt, mỡ phụ và các chế phẩm từ dầu mỏ                                                                                        | 4730        |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển khách du lịch theo hợp đồng                                                                                                                  | 4932        |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô thông thường; vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng; vận tải hàng hóa bằng xe container; vận tải hàng hóa bằng xe sơ mi rơ moóc | 4933        |
| 18. | Xây dựng nhà để ở<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng                                                                                                                                                      | 4101(Chính) |
| 19. | Xây dựng nhà không để ở<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp                                                                                                                                             | 4102        |
| 20. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                     | 4212        |
| 21. | Xây dựng công trình điện<br>Chi tiết: Xây dựng công trình điện dân dụng, điện công nghiệp, điện chiếu sáng công cộng; Xây dựng đường dây và trạm biến áp điện đến 35KV                                           | 4221        |
| 22. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, cấp, thoát nước                                                                                                                   | 4222        |
| 23. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                | 4229        |
| 24. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                         | 4291        |
| 25. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                | 4299        |
| 26. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: Đào đắp, san ủi mặt bằng                                                                                                                                                          | 4312        |
| 27. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống mạng Lan, Van; Lắp đặt hệ thống camera an ninh, hệ thống chống trộm, chống sét.                                                                              | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức    | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VÕ THÀNH CÔNG  | Việt Nam  | Thôn Bình An 2, Xã Phước Thành, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam | 1.200.000.000         | 60,000    | 052090021216                                                                                            |         |
| 2   | TRẦN VĂN LÂN   | Việt Nam  | Thôn Bình An 1, Xã Phước Thành, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam | 800.000.000           | 40,000    | 215136876                                                                                               |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VÕ THÀNH CÔNG**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: **10/10/1990**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **052090021216**

Ngày cấp: **10/08/2021**

Nơi cấp: **Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **Thôn Bình An 2, Xã Phước Thành, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **Thôn Bình An 2, Xã Phước Thành, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam**

**9. Nơi đăng ký:** **Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định**